

## Phần 2. Chính sách thương mại quốc tế (International Trade Policy)

## Chương 4. Chính sách thuế quan trong TMQT

### 4.1. Khái niệm, vai trò của chính sách TMQT

#### 4.1.1. Khái niệm

- “Chính sách TMQT là một hệ thống các quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu, biện pháp và các công cụ mà các quốc gia sử dụng nhằm điều chỉnh các hoạt động TMQT, phù hợp với các lợi thế của mỗi quốc gia trong từng thời kỳ nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho quốc gia từ TMQT”.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

3

### 4.1. Khái niệm, vai trò của chính sách TMQT

#### 4.1.2. Vai trò của chính sách TMQT

- Phát triển sản xuất của quốc gia.
- Thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của quốc gia.
- Thay đổi trình độ và phát triển công nghệ của quốc gia.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất của quốc gia.
- Nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, tác phong làm việc của người lao động.
- Làm cho nguồn lực kinh tế của quốc gia được sử dụng một cách hiệu quả nhất.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

4

### 4.1. Khái niệm, vai trò của chính sách TMQT

#### 4.1.3. Các loại chính sách TMQT

- 4.1.3.1. Chính sách thương mại tự do
- 4.1.3.2. Chính sách bảo hộ
- 4.1.3.3. Chính sách thương mại quốc tế công bằng
- 4.1.3.4. Chính sách thay thế sản phẩm nhập khẩu
- 4.1.3.5. Chính sách hướng về xuất khẩu
- 4.1.3.6. Chính sách sản phẩm thương mại chiến lược

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

5

### 4.2. Chính sách thuế quan đối với TMQT

#### 4.2.1. Những vấn đề chung về thuế

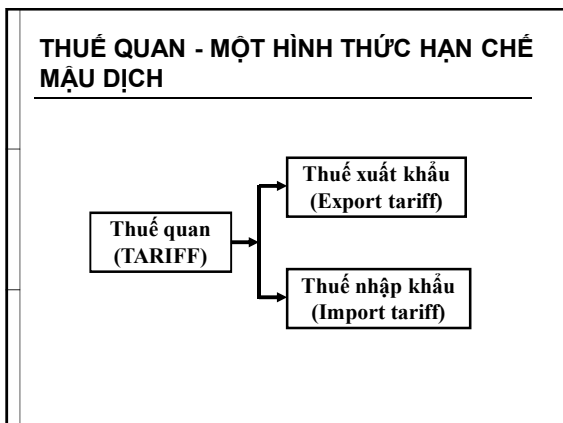
##### 4.2.1.1. Khái niệm thuế quan (tariff):

- “Thuế quan là loại thuế đánh lên hàng hóa xuất khẩu hay nhập khẩu khi đi qua biên giới thuế quan”.
- Phân biệt:
  - ✓ Thuế quan xuất khẩu
  - ✓ Thuế quan nhập khẩu
- Thuế quan nhập khẩu sử dụng phổ biến.
- Thuế quan xuất khẩu ít sử dụng.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

6



**4.2. Chính sách thuế quan đối với TMQT**

**4.2.1. Những vấn đề chung về thuế**

**4.2.1.2. Chức năng của thuế quan**

- Bảo hộ sản xuất trong nước
- Chức năng thu thuế
- Điều tiết xuất khẩu
- Điều tiết tiêu dùng
- Điều tiết cán cân thanh toán
- Phân biệt đối xử trong chính sách thương mại

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 8

**4.2. Chính sách thuế quan đối với TMQT**

**4.2.1. Những vấn đề chung về thuế**

**4.2.1.3. Phân loại thuế quan dựa theo cách tính**

- a. Thuế quan tính theo số lượng/thuế tuyệt đối (specific tariff/duty)
- b. Thuế quan tính theo giá trị (ad valorem tariff/duty)
- c. Thuế quan hỗn hợp (compound tariff/duty)

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 9

**a. Thuế quan tính theo số lượng/thuế tuyệt đối**

- Là thuế tính bằng tiền đánh trên mỗi đơn vị hàng hóa xuất, nhập khẩu, không phụ thuộc vào giá trị hàng hóa.

$P_d = P_w + T$  (T: Tiền thuế/1sp)

- Ví dụ ở Nhật:
  - Đánh thuế 1 USD/1 thùng dầu nhập khẩu
  - Giá sử giá 1 thùng dầu là 100 USD
  - ✓  $P_d = 100 \text{ USD} + 1 \text{ USD} = 101 \text{ USD/thùng}$
- Đặc điểm:
  - Không công bằng
  - Thường áp dụng với các sản phẩm đồng nhất: nông sản, khoáng sản, kim loại...

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 10

**b. Thuế quan tính theo giá trị**

- Là thuế quan được tính bằng tỉ lệ phần trăm trên giá trị của hàng hóa xuất, nhập khẩu.

$P_d = P_w \cdot (1 + t)$  (t: là tỉ lệ % tính trên  $P_w$ )

- Ví dụ ở Singapore:
  - Đánh thuế 5% trên giá 1 thùng dầu nhập khẩu
  - Giá sử giá 1 thùng dầu là 100 USD
  - ✓  $P_d = 100 \cdot (1 + 5\%) = 105 \text{ USD/thùng}$
- Đặc điểm:
  - Tương đối đơn giản, công bằng, thuận lợi trong đàm phán cắt giảm thuế quan.
  - Có thể gian lận thương mại

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 11

**b. Thuế quan tính theo giá trị**

**Chú ý:**

- Giá trị tính thuế (Customs value):
  - Giá hợp đồng
  - Giá FOB hoặc CIF hoặc CFR
  - FOB: Free on Board
  - CIF: Cost, Insurance, Freight
  - CFR: Cost and Freight

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 12

**c. Thuế quan hỗn hợp**

- Là hình thức tính thuế kết hợp cả hai cách tính thuế: theo giá trị và theo số lượng.
- Ví dụ: Thuế quan nhập khẩu xe hơi là thuế quan hỗn hợp, bao gồm:
  - Thuế theo giá trị 20% ( $\rightarrow 40.000 \cdot 20\% = 8.000$  USD)
  - Thuế theo số lượng 2.000 USD mỗi xe.
  - Xe nhập khẩu có giá 40.000 USD; thuế nhập khẩu:  $8.000 + 2.000 = 10.000$  USD.

Ví dụ ở Mỹ:  $P_d = 100 \text{ USD} + 1 \text{ USD} + 100 \text{ USD} \times 5\% = 106 \text{ USD/thùng}$

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 13

*Trên thực tế thuế quan tính theo giá trị được áp dụng phổ biến nhất.*

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 14

**4.2.2. Phân tích tác động của thuế đối với nội địa và thương mại quốc tế**

**4.2.2.1. Phân tích tác động của thuế quan nhập khẩu**

- Khi quốc gia áp dụng thuế quan nhập khẩu:  $\rightarrow$  giá trong nước sẽ tăng:
  - $\triangleright$  Nhà sản xuất có lợi
  - $\triangleright$  Người tiêu dùng chịu thiệt hại
  - $\triangleright$  Nhà nước được lợi (thu ngân sách)
- Để đánh giá tác động tổng thể của thuế quan với quốc gia, cần xác định lợi ích và tổn thất nêu trên:
  - $\triangleright$  Người tiêu dùng: Thặng dư tiêu dùng
  - $\triangleright$  Nhà sản xuất: Thặng dư sản xuất
  - $\triangleright$  Ngân sách: Lượng thuế thu từ thuế quan

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 15

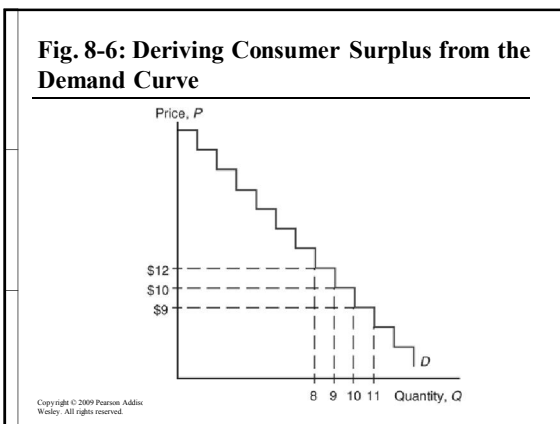
**Thặng dư tiêu dùng (Consumer Surplus - CS)**

- ❖ Khái niệm: Thặng dư tiêu dùng biểu thị lợi ích của người tiêu dùng trên thị trường, là khoản chênh lệch giữa giá tối đa mà người tiêu dùng sẵn lòng chi trả (willing to pay) và giá mà họ thực trả theo giá thị trường.

$$CS = P_{\max} - P_{\text{market}}$$

- Giá tối đa mà người tiêu dùng sẵn lòng chi trả biểu thị bởi đường cầu.

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 16



**Thặng dư tiêu dùng (Consumer Surplus - CS)**

- ❖ Xác định: Thặng dư tiêu dùng là phần diện tích nằm phía dưới đường cầu và trên đường giá thị trường.
- ❖ Ví dụ:
  - Giá thị trường  $P_0$ :  $CS_0 = ABC$
  - Giá thị trường  $P_1$ :  $CS_1 = AEF$
  - Giá tăng từ  $P_0 \rightarrow P_1$ : CS giảm là  $BCFE$
  - Giá giảm từ  $P_1 \rightarrow P_0$ : CS tăng là  $BCFE$

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 17

### Thặng dư tiêu dùng (Consumer Surplus - CS)

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 19

### Thặng dư sản xuất (Producer Surplus - PS)

❖ **Khái niệm:** Thặng dư sản xuất biểu thị lợi ích của nhà sản xuất trên thị trường, là khoản chênh lệch giữa giá bán của nhà sản xuất (giá thị trường) và giá tối thiểu mà nhà sản xuất sẵn lòng bán (willing to sell).

● Giá tối thiểu mà nhà sản xuất sẵn lòng bán biểu thị bằng đường chi phí biên hay đường cung.

$$PS = P_{\text{market}} - P_{\text{min}}$$

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 20

### Thặng dư sản xuất (Producer Surplus - PS)

❖ **Xác định:** Thặng dư sản xuất là diện tích nằm dưới giá thị trường và trên đường cung (đường chi phí biên)

❖ **Ví dụ:**

- Giá thị trường  $P_0$ :  $PS_0 = ABC$
- Giá thị trường  $P_1$ :  $PS_1 = AEF$
- Giá tăng từ  $P_0 \rightarrow P_1$ : PS tăng là BCFE
- Giá giảm từ  $P_1 \rightarrow P_0$ : PS giảm là BCFE

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 21

### Thặng dư sản xuất (Producer Surplus - PS)

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 22

#### 4.2.2.1. Phân tích tác động của thuế quan nhập khẩu a/ Trường hợp đối với nước nhỏ

- ❑ **Khái niệm:** Một quốc gia được coi là nhỏ về một sản phẩm đối với thị trường thế giới khi mà cung xuất khẩu (hay cầu nhập khẩu) của quốc gia thay đổi **không làm thay đổi** giá cả của thế giới.
- ❑ **Ví dụ 1:** Giả sử có thị trường sản phẩm X của Việt Nam như sau:  
 (D):  $Q_D = 130 - P$   
 (S):  $Q_S = 10 + P$   
 Trong đó đơn vị tính của P là 10.000 đồng/sản phẩm, đơn vị tính của Q là triệu sản phẩm.
- ❑ Việt Nam là quốc gia nhỏ về sản phẩm X. Giá sản phẩm X của thế giới là  $Pw(X) = 30$  USD; tỷ giá hối đoái: 1 USD = 15.000 VND

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 23

#### 4.2.2.1. Phân tích tác động của thuế quan nhập khẩu a/ Trường hợp đối với nước nhỏ

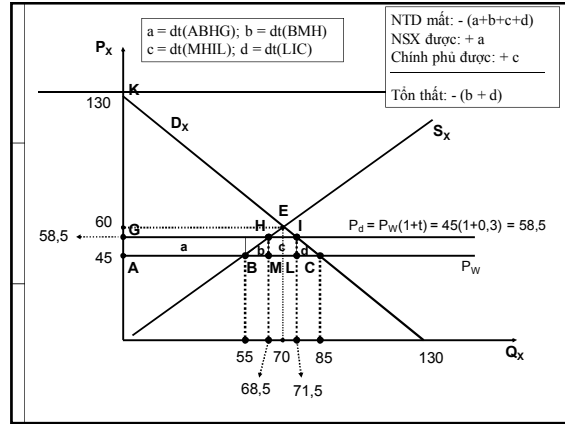
- ❑ Khi VN thực hiện chính sách kinh tế đóng, thị trường sản phẩm X cân bằng với:
  - ❑  $P_X = 60$  (10.000đ/sản phẩm)
  - ❑  $Q_X = 70$  (triệu sản phẩm)
- ❑ Khi VN tiến hành thương mại tự do, VN sẽ nhập khẩu sản phẩm X vì giá sản phẩm X của VN cao hơn giá sản phẩm X của thế giới.
  - ❑  $P_w = 30$  USD \* 15.000 VND/USD = 450.000 đ/sp = 45 (10.000đ)
  - ❑  $Q_D = 130 - 45 = 85$  triệu sản phẩm;
  - ❑  $Q_S = 10 + 45 = 55$  triệu sản phẩm;
  - ❑ Nhập khẩu =  $Q_D - Q_S = 85 - 55 = 30$  triệu sản phẩm.

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 24

**4.2.2.1. Phân tích tác động của thuế quan nhập khẩu**  
**a/ Trường hợp đối với nước nhỏ**

- Để bảo hộ sản xuất nội địa, Chính phủ Việt Nam sử dụng thuế nhập khẩu 30% → Giá sản phẩm X nhập khẩu:  $P_d = P_w(1+t) = 45(1+0,3) = 58,5$ .
- $Q_D = 130 - 58,5 = 71,5$  triệu sản phẩm;
- $Q_S = 10 + 58,5 = 68,5$  triệu sản phẩm;
- Nhập khẩu =  $Q_D - Q_S = 71,5 - 68,5 = 3$  triệu sản phẩm.

21-Dec-16      Hồ Văn Dũng      25



**Chính sách thương mại**  
(Thuế quan)

□ Tác động của thuế quan (trường hợp nước nhỏ)

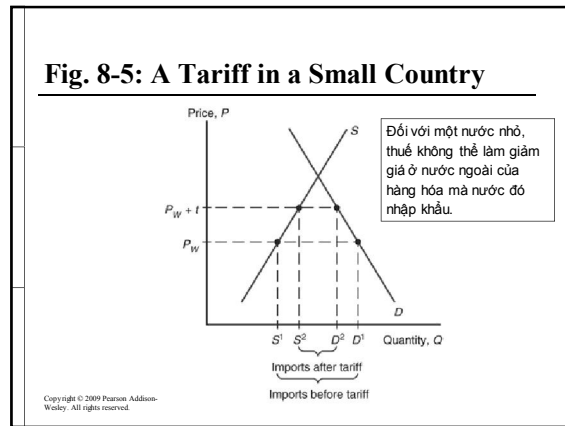
**Khi chính phủ đánh thuế (t):**

- $P_0$  tăng lên đến  $P_1; P_1 = P_0(1+t)$
- Sản xuất: sản lượng sản xuất tăng lên ( $Q_1, Q_2$ ); Thặng dư của Người sản xuất tăng lên: dt hình a
- Tiêu dùng: sản lượng tiêu dùng giảm ( $Q_3, Q_4$ ); Mức giảm thặng dư của Người tiêu dùng: dt hình  $(a+b+c+d)$
- Thu nhập của chính phủ: dt hình c
- Thiệt hại đối với xã hội: dt hình  $(b+d)$

→ **Tổng thiệt hại: dt 2 hình  $(b+d)$**

**Hình 4.2.** Tác động của thuế quan: trường hợp nước nhỏ

27



**4.2.2.1. Phân tích tác động của thuế quan nhập khẩu**  
**a/ Trường hợp đối với nước nhỏ**

□ **Ví dụ 2:** Quốc gia 1 nhỏ so với thế giới trên thị trường sản phẩm X

□ Cung nội địa sản phẩm X:  $Q_S = 20P - 20$

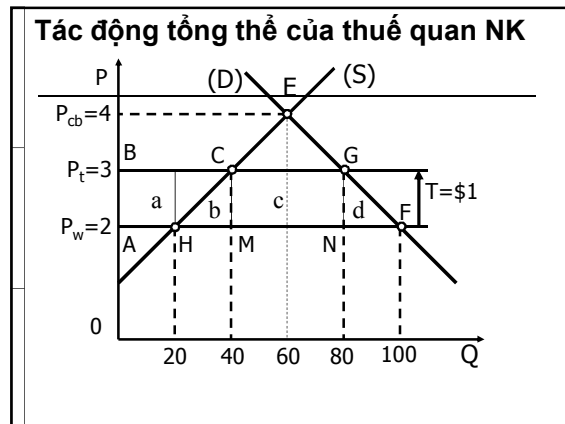
□ Cầu nội địa sản phẩm X:  $Q_D = -20P + 140$

⇒  $P_{cb} = 4, Q_{cb} = 60$

□ Giá thế giới sản phẩm X:  $P_w = \$2$

□ Xem xét theo trình tự các tình huống:

- > (i) Không có thương mại;
- > (ii) Tự do thương mại; và
- > (iii) Áp dụng thuế quan nhập khẩu



**4.2.2.1. Phân tích tác động của thuế quan nhập khẩu**  
**a/ Trường hợp đối với nước nhỏ**

> (i) Khi không có thương mại:

- Cân bằng cung cầu nội địa:  $Q_S = Q_D$
- Giá cân bằng:  $P_{cb} = \$4$
- Lượng cân bằng:  $Q_{cb} = 60$

> (ii) Khi tự do thương mại:

- $P_w = \$2$  không thay đổi
- Giá trong nước bằng giá thế giới:  $P_d = P_w = \$2$
- Đường thẳng  $P = 2$  là đường cung nhập khẩu sản phẩm X của quốc gia 1
- Tiêu thụ: 100 (tại F)
- Sản xuất: 20 (tại H)
- Nhập khẩu: 80 (HF)

**4.2.2.1. Phân tích tác động của thuế quan nhập khẩu**  
**a/ Trường hợp đối với nước nhỏ**

> (iii) Khi áp dụng thuế quan nhập khẩu:

- Chính phủ áp dụng thuế quan nhập khẩu:  $T = \$1/1X$  (hay  $t = 50\%$ )
- Giá thế giới không thay đổi:  $P_w = \$2$
- Giá trong nước (khi có thuế NK):  $P'_d = \$3$
- Đường cung nhập khẩu là đường  $P'_d = 3$
- Tiêu thụ: 80 (tại G)
- Sản xuất: 40 (tại C)
- Nhập khẩu: 40 (CG)

**Tác động của thuế quan nhập khẩu (trường hợp nước nhỏ): phân tích tổng hợp**

- Giá trong nước tăng từ \$2 tới \$3
- Người tiêu dùng thiệt hại (thặng dư tiêu dùng giảm):  $\Delta CS = -(a+b+c+d) = \$90$
- Nhà sản xuất được lợi (thặng dư sản xuất tăng):  $\Delta PS = +a = \$30$
- Ngân sách tăng (chính phủ thu được thuế):  $\Delta G = +c = \$40$
- Thay đổi lợi ích ròng của quốc gia 1:  $\Delta SS$  (hay DWL) =  $-(b+d) = -\$20$
- Quốc gia 1 chịu tổn thất ròng:  $(b+d)$

> Quốc gia nhỏ áp dụng thuế quan nhập khẩu luôn gánh chịu thiệt hại (tổn thất ròng – DWL: Deadweight Loss)

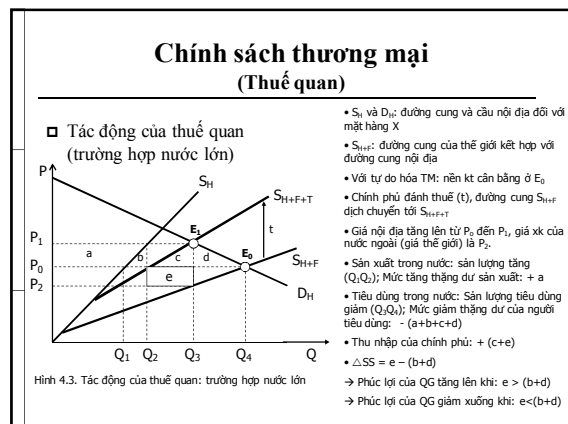
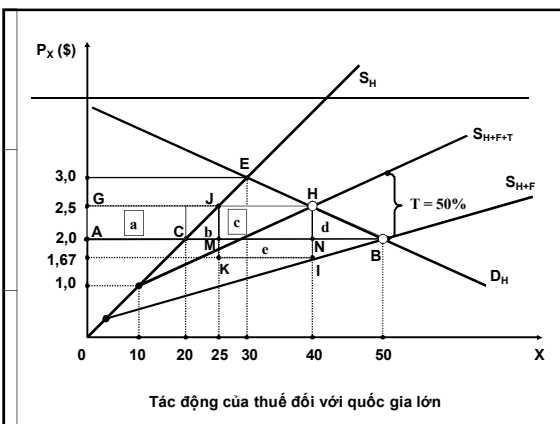
**4.2.2.1. Phân tích tác động của thuế quan nhập khẩu**  
**b/ Trường hợp đối với nước lớn**

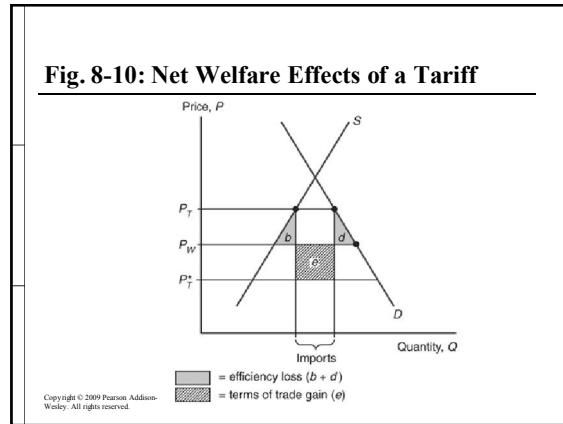
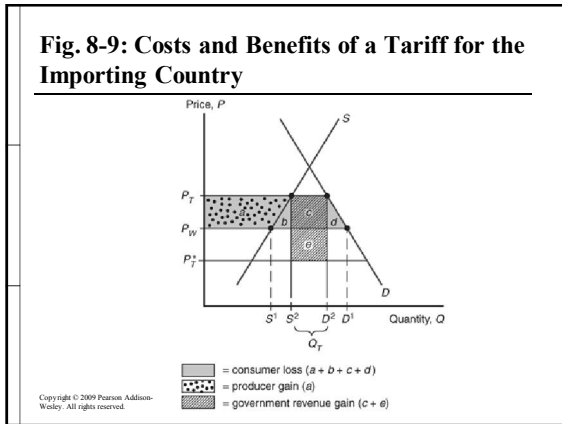
□ **Khái niệm:** Một quốc gia được coi là lớn về một sản phẩm đối với thị trường thế giới khi mà cung xuất khẩu (hay cầu nhập khẩu) của quốc gia thay đổi **dẫn đến sự thay đổi** giá cả của thế giới.

□ Quốc gia lớn áp dụng thuế quan nhập khẩu

- > Giá thế giới giảm: → Quốc gia nhập khẩu có lợi
- > Giá trong nước tăng: → Quốc gia nhập khẩu thiệt hại

□ Quốc gia lớn có thể thu lợi, cũng có thể bị thiệt hại





**Tóm lược**

**Tác động của thuế quan nhập khẩu → bảo hộ nội địa**

- Sản xuất trong nước có lợi (*do gia tăng số lượng sản xuất cũng như giá bán*)
- Người tiêu dùng bị thiệt hại (*do giá cả tăng*)
- Nhà nước có lợi (*do thu được thuế nhập khẩu*)
- Nhận xét: Thuế quan bảo hộ đã thực hiện chức năng phân phối lại thu nhập từ người tiêu dùng sang nhà sản xuất nội địa và ngân sách nhà nước.

✓ Đối với nước nhỏ: lợi ích kinh tế của quốc gia bị thiệt hại.  
 ✓ Đối với nước lớn: lợi ích kinh tế của quốc gia có thể được lợi/có thể bị thiệt hại.

**Các tác động khác của thuế quan nhập khẩu:**

- Làm phát sinh chi phí hành chính: chi phí hải quan, lưu kho, lãng phí thời gian.
- Hạn chế cạnh tranh trên thị trường trong nước.
- Giảm động cơ của các công ty trong nước đổi mới công nghệ, giảm chi phí sản xuất.
- Chi phí do di chuyển nguồn lực từ các ngành khác sang ngành được bảo hộ.
- Tăng chi phí sản xuất hàng xuất khẩu.

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 40

**4.2.2.2. Sự trả đũa và thuế nhập khẩu tối ưu**

- Phân tích về sự trả đũa và thuế quan nhập khẩu tối ưu → nghiên cứu trường hợp quốc gia lớn.
- Khi quốc gia 1 áp dụng thuế nhập khẩu 50% để bảo hộ sản xuất nội địa đối với sản phẩm X đã làm cho quốc gia 2 bị thiệt hại về mặt kinh tế.
- Vì vậy quốc gia 2 thực hiện trả đũa đối với quốc gia 1 bằng chính sách thuế nhập khẩu đối với sản phẩm Y (sản phẩm xuất khẩu của quốc gia 1).

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 41

**4.2.2.2. Sự trả đũa và thuế nhập khẩu tối ưu**

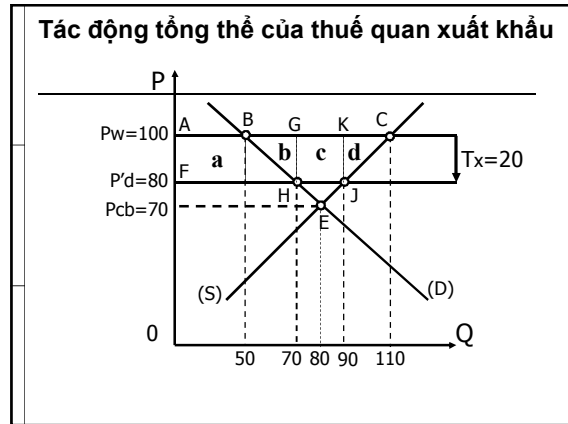
- “Tỷ suất thuế hay mức thuế nhập khẩu làm cho quốc gia không bị thiệt hại được gọi là thuế tối ưu”.
- Hai quốc gia trả đũa nhau bằng thuế nhập khẩu → TMQT sụt giảm → triệt tiêu TMQT.
- “Tỷ lệ thuế nhập khẩu mà một hoặc hai quốc gia sử dụng dẫn đến TMQT bằng không được gọi là thuế ngăn cản thương mại”.

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 42

**4.2.2.3. Phân tích tác động của thuế quan xuất khẩu**  
**a/ Trường hợp nước nhỏ**

- “Thuế xuất khẩu là thuế tính trên hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu”.
- Ví dụ 1: Thị trường sản phẩm X của quốc gia A như sau:
  - (D):  $Q_D = 150 - P$
  - (S):  $Q_S = 10 + P$
  - Trong đó đơn vị tính của P là USD/sản phẩm, đơn vị tính của Q là triệu sản phẩm.
  - Giá thế giới của sản phẩm X là  $P_w = 100$  USD

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 43



**4.2.2.3. Phân tích tác động của thuế quan xuất khẩu**  
**a/ Trường hợp nước nhỏ**

- > (i) Khi không có thương mại:
  - Cân bằng cung cầu nội địa:  $Q_S = Q_D$
  - Giá cân bằng:  $P_{cb} = 70$
  - Lượng cân bằng:  $Q_{cb} = 80$
- > (ii) Khi tự do thương mại:
  - $P_w = 100$  không thay đổi
  - Giá trong nước bằng giá thế giới:  $P_d = P_w = 100$
  - Đường thẳng  $P = 100$  là đường cầu xuất khẩu sản phẩm X của quốc gia A
  - Tiêu thụ: 50 (tại B)
  - Sản xuất: 110 (tại C)
  - Xuất khẩu: 60 (BC)

**4.2.2.3. Phân tích tác động của thuế quan xuất khẩu**  
**a/ Trường hợp nước nhỏ**

- > (iii) Khi áp dụng thuế quan xuất khẩu:
  - Chính phủ áp dụng thuế quan xuất khẩu:  $T = 20$  USD/1X
  - Giá thế giới không thay đổi:  $P_w = 100$
  - Giá trong nước (khi có thuế XK):  $P'_d = 80$
  - Đường cầu xuất khẩu là đường  $P'_d = 80$
  - Tiêu thụ: 70 (tại H)
  - Sản xuất: 90 (tại J)
  - Xuất khẩu: 20 (HJ)

**Tác động của thuế quan xuất khẩu (trường hợp nước nhỏ): phân tích tổng hợp**

- Giá trong nước giảm từ 100 USD xuống còn 80 USD
- NTD được lợi do giá giảm (thặng dư tiêu dùng tăng):  
 $\Delta CS = + a = \frac{(50+70) \times 20}{2} = + 1.200$  (triệu USD)
- Nhà sản xuất bị thiệt hại do giá bán giảm và lượng sản xuất giảm (thặng dư sản xuất giảm):  
 $\Delta PS = - (a+b+c+d) = - \frac{(90+110) \times 20}{2} = - 2.000$  (triệu USD)
- Ngân sách tăng (chính phủ thu được thuế xuất khẩu):  
 $\Delta G = + c = (90-70) \times 20 = + 400$  (triệu USD)
- Thay đổi lợi ích ròng của quốc gia = (lợi ích của NTD + lợi ích của chính phủ) - (thiệt hại của nhà sản xuất):  
 $\Delta SS$  (hay DWL) = - (b+d) = (1.200+400) - 2.000 = - 400
- Quốc gia chịu tổn thất ròng: (b+d)
- > Quốc gia **nhỏ** áp dụng thuế quan xuất khẩu luôn gánh chịu thiệt hại (tổn thất ròng – DWL: Deadweight Loss)

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 48

**4.2.2.3. Phân tích tác động của thuế quan xuất khẩu**  
**a/ Trường hợp nước lớn**

- Quốc gia lớn áp dụng thuế quan xuất khẩu:
  - > Giá thế giới tăng → Quốc gia xuất khẩu có lợi
  - > Giá trong nước giảm → Quốc gia xuất khẩu thiệt hại
- Quốc gia lớn có thể thu lợi, cũng có thể bị thiệt hại



### Tóm lược

**Tác động của thuế quan xuất khẩu**

- Sản xuất trong nước bị thiệt hại (do giá giảm và sản lượng sản xuất giảm)
- Người tiêu dùng được lợi (do giá giảm)
- Nhà nước có lợi (do thu được thuế xuất khẩu)
- Nhận xét: Thuế quan xuất khẩu đã thực hiện chức năng phân phối lại thu nhập từ nhà sản xuất nội địa sang người tiêu dùng và ngân sách nhà nước.

- ✓ **Đối với nước nhỏ: lợi ích kinh tế của quốc gia bị thiệt hại.**
- ✓ **Đối với nước lớn: lợi ích kinh tế của quốc gia có thể được lợi/có thể bị thiệt hại.**

### 4.3. Bảo hộ danh nghĩa và bảo hộ sản xuất nội địa thật sự

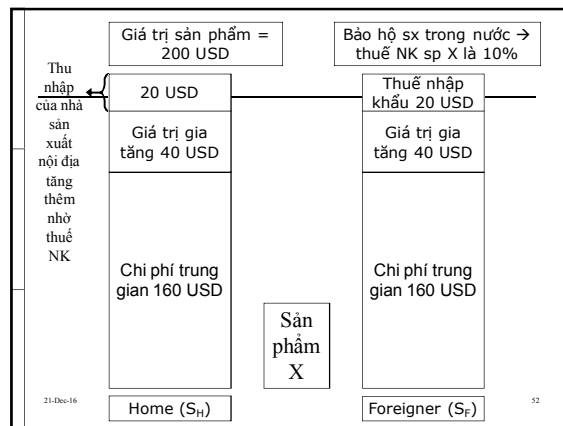
- “Thuế quan danh nghĩa (nominal tariff) là thuế quan đánh trên hàng nhập khẩu (tức là sản phẩm cuối cùng – final commodity) làm gia tăng giá bán của nhà sản xuất nước ngoài”. (= làm tăng giá hàng hóa do các nhà sản xuất trong nước làm ra) → biểu hiện sự bảo hộ danh nghĩa của Chính phủ đối với sản xuất nội địa.
- Thực tế nhiều doanh nghiệp nội địa phải nhập khẩu nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm.

21-Dec-16
Hồ Văn Dũng
50

### 4.3. Bảo hộ danh nghĩa và bảo hộ sản xuất nội địa thật sự

- Khi Chính phủ đánh thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu (tariff on imported inputs) → sự bảo hộ của Chính phủ đối với nhà sản xuất nội địa sẽ như thế nào?
- Mối tương quan giữa thuế đánh trên sản phẩm nhập khẩu (thuế quan danh nghĩa) và thuế đánh trên nguyên liệu nhập khẩu được xác định bằng tỷ lệ bảo hộ thực sự (Effective Rate of Protection - ERP).

21-Dec-16
Hồ Văn Dũng
51



### 4.3. Bảo hộ danh nghĩa và bảo hộ sản xuất nội địa thật sự

- Công thức tính tỷ lệ bảo hộ thực sự: có 3 cách tính
- **Cách tính 1:**

$$ERP = \frac{V' - V}{V} * 100$$
  - ERP: tỷ lệ bảo hộ thực sự (Effective Rate of Protection)
  - V': giá trị gia tăng sau khi có thuế quan danh nghĩa.
  - V: giá trị gia tăng trước khi có thuế quan danh nghĩa (giá trị gia tăng khi tự do thương mại).
  - Từ ví dụ trên:
 
$$ERP = \frac{60 - 40}{40} * 100 = 50\%$$

21-Dec-16
Hồ Văn Dũng
53

### 4.3. Bảo hộ danh nghĩa và bảo hộ sản xuất nội địa thật sự

- Giả sử toàn bộ chi phí trung gian của nhà sản xuất nội địa là nguyên vật liệu nhập khẩu và chính phủ đánh thuế nguyên vật liệu nhập khẩu là 5% → chính phủ thu lại của nhà sản xuất nội địa 8 USD. Lúc này tỉ lệ bảo hộ thực sự:
 
$$ERP = \frac{52 - 40}{40} * 100 = 30\%$$
- Khi doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu mà bị chính phủ đánh thuế thì sự bảo hộ danh nghĩa (thuế nhập khẩu hàng hóa) của chính phủ đối với doanh nghiệp vẫn giữ nguyên không đổi (10%), nhưng tỉ lệ bảo hộ thực sự đã giảm 20%.

21-Dec-16
Hồ Văn Dũng
54

**4.3. Bảo hộ danh nghĩa và bảo hộ sản xuất nội địa thật sự**

□ Công thức tính tỷ lệ bảo hộ thực sự: có 3 cách tính

□ Cách tính 2:

$$ERP = \frac{t - a_i t_i}{1 - a_i} * 100 \quad (a_i = \frac{C_w}{P_w})$$

□ ERP: tỷ lệ bảo hộ thực sự (Effective Rate of Protection)

□ t: thuế quan danh nghĩa tính trên sản phẩm cuối cùng.

□ a<sub>i</sub>: tỷ lệ nguyên liệu nhập trong giá trị sản phẩm nhập khẩu cuối cùng.

□ t<sub>i</sub>: thuế tính trên nguyên liệu nhập khẩu.

□ C<sub>w</sub>: chi phí nguyên liệu theo giá thế giới.

□ P<sub>w</sub>: giá thế giới.

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 55

**4.3. Bảo hộ danh nghĩa và bảo hộ sản xuất nội địa thật sự**

□ Công thức tính tỷ lệ bảo hộ thực sự: có 3 cách tính

□ Cách tính 2: có 5 trường hợp sau:

- 1) t ≠ 0, a<sub>i</sub> = 0 thì ERP = t; nhà sx nội địa không nhập NVL mà sử dụng NVL trong nước → sự bảo hộ thực sự của chính phủ chính là tỉ lệ thuế danh nghĩa.
- 2) t ≠ 0, a<sub>i</sub> ≠ 0, t<sub>i</sub> = 0; nhà sx nội địa nhập NVL nhưng không bị đánh thuế → ERP max.
- 3) t ≠ 0, a<sub>i</sub> ≠ 0, t<sub>i</sub> ≠ 0; ERP sẽ giảm, nếu t<sub>i</sub> càng lớn thì ERP càng nhỏ.
- 4) Nếu t<sub>i</sub> = C% dẫn đến ERP = 0; chính phủ yêu cầu các nhà sx nội địa sử dụng NVL trong nước.
- 5) Nếu t<sub>i</sub> > C% thì ERP < 0, lúc này chính phủ bắt buộc các nhà sx nội địa phải sử dụng NVL trong nước.

**4.3. Bảo hộ danh nghĩa và bảo hộ sản xuất nội địa thật sự**

□ Công thức tính tỷ lệ bảo hộ thực sự: có 3 cách tính

□ Cách tính 3:

$$ERP = \frac{(P_d - C_d) - (P_w - C_w)}{P_w - C_w} * 100 \quad \text{hay} \quad ERP = \frac{P_w t_1 - C_w t_0}{P_w - C_w} * 100$$

□ ERP: tỷ lệ bảo hộ thực sự (Effective Rate of Protection)

□ t<sub>1</sub>: thuế nhập khẩu hàng hóa.

□ t<sub>0</sub>: thuế nhập khẩu nguyên liệu.

□ P<sub>w</sub>: giá thế giới.

□ P<sub>d</sub>: giá sp nhập khẩu có thuế: P<sub>d</sub> = P<sub>w</sub>(1+t<sub>1</sub>)

□ C<sub>w</sub>: chi phí nguyên liệu theo giá thế giới.

□ C<sub>d</sub>: chi phí nguyên vật liệu theo giá trong nước: C<sub>d</sub> = C<sub>w</sub>(1+t<sub>0</sub>)

57

**4.3. Bảo hộ danh nghĩa và bảo hộ sản xuất nội địa thật sự**

□ Công thức tính tỷ lệ bảo hộ thực sự: có 3 cách tính

□ Cách tính 3:

□ Ví dụ: giá sản phẩm X tại thị trường thế giới là: P<sub>w</sub> = 30\$, tại thị trường nội địa là: P<sub>d</sub> = P<sub>w</sub>(1+t<sub>1</sub>) = 36\$, chi phí NVL của thị trường thế giới: C<sub>w</sub> = 15\$, thuế nhập khẩu hàng hóa là t<sub>1</sub> = 20%, thuế nhập khẩu NVL là t<sub>0</sub> = 10%, chi phí nguyên vật liệu theo giá trong nước là: C<sub>d</sub> = C<sub>w</sub>(1+t<sub>0</sub>) = 16,5\$.

$$ERP = \frac{(P_d - C_d) - (P_w - C_w)}{P_w - C_w} * 100 = \frac{(36 - 16,5) - (30 - 15)}{30 - 15} * 100 = 30\%$$

$$ERP = \frac{P_w t_1 - C_w t_0}{P_w - C_w} * 100 = \frac{30 * 20\% - 15 * 10\%}{30 - 15} * 100 = 30\%$$

58

**KẾT THÚC CHƯƠNG 4**

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 59